



Số: /2025/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO
3

NGHỊ ĐỊNH
Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Chương I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước đối với đập có chiều cao từ 5 m trở lên hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 50.000 m³ trở lên và an toàn cho vùng hạ du đập. Các nội dung quy định về an toàn đập hồ, chứa thủy điện gồm phân loại đập, hồ chứa thủy điện, kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa, quy trình vận hành hồ chứa, lưu trữ hồ sơ, quan trắc công trình đập, hồ chứa, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa, kiểm định an toàn đập, hồ chứa, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa công trình và thiết bị, lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, lắp đặt hệ thống cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ, phương án bảo vệ đập, hồ chứa, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình,

phạm vi bảo vệ công trình, hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thực hiện theo Luật Điện lực và Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

2. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động liên quan đến đập, hồ chứa nước trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đập là công trình được xây dựng để dâng nước hoặc cùng các công trình có liên quan tạo hồ chứa nước.

2. Hồ chứa nước là công trình được hình thành bởi đập dâng nước và các công trình có liên quan để tích trữ nước, có nhiệm vụ chính là điều tiết dòng chảy, cắt, giảm lũ, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, phát điện và cải thiện môi trường; bao gồm hồ chứa thủy lợi và hồ chứa thủy điện.

3. Công trình có liên quan là công trình xả nước, công trình lấy nước, tuyến năng lượng, công trình *đảm bảo giao thông thủy* và công trình cho cá đi.

4. Đập, hồ chứa thủy lợi là đập, hồ chứa nước được xây dựng với mục đích chính là cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt kết hợp cắt, giảm lũ.

5. Đập, hồ chứa thủy điện là đập, hồ chứa nước được xây dựng với mục đích chính là phát điện.

6. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* là tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi*.

7. Vùng hạ du đập là vùng bị ngập lụt khi hồ xả nước theo quy trình; xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập.

8. Tình huống khẩn cấp là trường hợp mưa, lũ vượt tần suất thiết kế; động đất vượt tiêu chuẩn thiết kế trên lưu vực hồ chứa nước hoặc tác động khác gây mất an toàn cho đập.

9. Kiểm định an toàn đập, *hồ chứa nước* là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, đánh giá an toàn của đập, hồ chứa nước và các công trình có liên quan đến hồ chứa nước thông qua đo đạc, quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.

10. Hệ thống giám sát vận hành là hệ thống *được thiết lập để theo dõi, thu thập dữ liệu, phân tích và đưa ra cảnh báo tình trạng an toàn và vận hành của công trình, ngập lụt vùng hạ du đập*, bao gồm thiết bị để kết nối số liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, tình hình ngập lụt hạ du đập, camera giám sát vận hành công trình, *thiết bị liên quan* và phần mềm hỗ trợ điều hành đập, hồ chứa nước theo diễn biến thực tế.

11. Thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn công trình và vùng hạ du đập là thiết bị được thiết lập để thực hiện truyền thông tin vận hành của đập, hồ chứa nước gồm điện thoại cố định, di động, vệ tinh; máy tính; máy fax; thiết bị phát thanh; thiết bị truyền hình; thiết bị quan trắc tự động truyền tin; thiết bị chuyên dùng tự động truyền tin; hệ thống thông tin cảnh báo sớm và các thiết bị liên quan kèm theo.

12. Hiện đại hóa đập, hồ chứa nước là việc ứng dụng, trang bị thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào công tác xây dựng, quản lý, vận hành công trình.

Điều 3. Phân loại đập, hồ chứa thủy lợi

1. Đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đập có chiều cao từ 100 m trở lên hoặc đập của hồ chứa thủy lợi quy định tại điểm b, điểm c khoản này;

b) Hồ chứa thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 1.000.000.000 m³ trở lên;

c) Hồ chứa thủy lợi có dung tích từ 500.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³ mà vùng hạ du đập là thành phố, khu công nghiệp, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

2. Đập, hồ chứa thủy lợi lớn thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đập có chiều cao từ 15 m đến dưới 100 m hoặc đập của hồ chứa thủy lợi quy định tại điểm c khoản này;

b) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và chiều dài đập từ 500 m trở lên hoặc đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và có lưu lượng tràn xả lũ thiết kế trên 2.000 m³/s;

c) Hồ chứa thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 3.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³, trừ hồ chứa quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Đập, hồ chứa thủy lợi vừa thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m hoặc đập của hồ chứa thủy lợi quy định tại điểm b khoản này, trừ đập quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Hồ chứa thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 3.000.000 m³.

4. Đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ là đập có chiều cao dưới 10 m hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m³.

5. Thẩm quyền quyết định danh mục đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn, vừa, nhỏ

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt;

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* quyết định danh mục đập, hồ chứa thủy lợi lớn, vừa, nhỏ mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên;

c) *Chủ tịch* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục đập, hồ chứa *thủy lợi* trên địa bàn, trừ đập, hồ chứa *thủy lợi* quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý an toàn đập, hồ chứa nước

1. Bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước là ưu tiên cao nhất trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác đập, hồ chứa nước.

2. Công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước.

3. Chủ sở hữu đập, hồ chứa nước chịu trách nhiệm về an toàn đập, hồ chứa nước do mình sở hữu.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo đảm an toàn, phát huy hiệu quả của công trình.

Chương II

QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG

Điều 5. Yêu cầu về thiết kế, thi công xây dựng đập, hồ chứa nước

1. Thiết kế, thi công xây dựng *mới* đập, hồ chứa nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về *đầu tư*, xây dựng, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định sau:

a) Đầu tư xây dựng đập, hồ chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Luật Thủy lợi, *Luật Điện lực*, *Luật Tài nguyên nước*;

b) Việc bố trí tổng thể và thiết kế kết cấu đập phải tạo thuận lợi cho công tác *tổ chức thi công*, quản lý *vận hành* an toàn đập, ứng cứu đập khi xảy ra sự cố và bảo trì, nâng cấp, sửa chữa khi công trình bị hư hỏng;

c) *Khi chặn dòng phải đảm bảo an toàn cho công trình, khu vực lòng hồ và vùng hạ du đập. Trước khi chặn dòng tích nước, chủ đầu tư phải tổ chức lập kế hoạch chặn dòng thi công vượt lũ cùng với hồ sơ thiết kế làm cơ sở tổ chức phòng chống thiên tai trong quá trình xây dựng công trình, lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình (đối với công trình xây dựng trên địa bàn 01 xã), lấy ý kiến Ủy ban cấp tỉnh nơi xây dựng công trình (đối với công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 xã trở lên trên địa bàn tỉnh), lấy ý kiến các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan (đối với công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên), trình người quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt.*

d) Quy trình vận hành cửa van phải được lập, phê duyệt cùng với hồ sơ thiết kế và bàn giao cho chủ quản lý đập, hồ chứa nước khi bàn giao đưa công trình vào khai thác; *quy trình bảo trì cho từng hạng mục công trình phải được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

đ) Đối với cửa van của tràn xả lũ vận hành bằng điện phải có ít nhất hai nguồn điện, trong đó có một nguồn bằng máy phát điện dự phòng;

e) Bố trí thiết bị quan trắc công trình đập, hồ chứa nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan;

g) Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ phải lắp đặt hệ thống giám sát vận hành; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước;

h) Đối với đập, hồ chứa nước lớn có tràn tự do phải lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước;

i) Đối với đập, hồ chứa nước vừa, nhỏ có tràn tự do, khuyến khích áp dụng quy định tại điểm h khoản này;

k) Xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước;

l) *Đối với đập, hồ chứa nước xây dựng mới trên các sông, suối phải có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.*

2. Đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn *xây dựng mới*, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư còn phải thực hiện quy định sau đây:

a) Các công trình lấy nước, công trình tháo nước có đáy đặt sâu dưới đỉnh đập phải có chiều cao, chiều rộng thích hợp *hoặc phải đặt trong hành lang có chiều cao, chiều rộng thích hợp* để kiểm tra, sửa chữa công trình;

b) Xây dựng đường quản lý để ứng cứu đập trong tình huống khẩn cấp; xây dựng nhà điều hành phục vụ công tác quản lý, khai thác và trực ban phòng, chống thiên tai tại công trình.

3. Đối với đập, hồ chứa nước vừa và nhỏ *xây dựng mới*, khuyến khích thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trong quá trình thi công *xây dựng mới đập, hồ chứa nước*, chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước có trách nhiệm *tổ chức* lập phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

5. Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước có trách nhiệm lập phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định

này, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi tích nước và bàn giao cho tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện, phòng, chống thiên tai.

6. Đối với các đập, hồ chứa nước sửa chữa, nâng cấp, chủ đầu tư căn cứ quy mô, giải pháp sửa chữa nâng cấp để báo cáo người quyết định đầu tư quyết định việc thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 điều này.

Điều 6. Nội dung phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công

1. Tóm tắt đặc điểm, tình hình xây dựng, các mốc tiến độ chặn dòng, vượt lũ, tiến độ thi công của đập, hồ chứa nước và các hạng mục công trình có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai.

2. Dự kiến tình huống mất an toàn đập, hồ chứa nước, vùng hạ du và giải pháp ứng phó.

3. Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án.

4. Nội dung khác có liên quan.

5. Phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công

1. Hồ sơ trình thẩm định

Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện *hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến* đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;

b) Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;

c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;

d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;

đ) Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

2. Nội dung thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập

a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ trình phê duyệt thẩm định;

b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng lập phương án;

c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ và dự thảo phương án.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, *tổ chức* thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập *thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã*;

b) Sở Nông nghiệp và *Môi trường* tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy lợi; Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập

a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã;

b) *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên *trên địa bàn tỉnh*; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *nơi diện tích chiếm đất của hồ chứa và công trình đầu mối lớn nhất* phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên sau khi lấy ý kiến *thống nhất* của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

Điều 8. Kiểm tra công tác nghiệm thu đập, hồ chứa nước

Đập, hồ chứa nước phải được kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Chương III

QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN KHAI THÁC

Điều 9. Lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa thủy lợi

Việc lập, lưu trữ hồ sơ công trình đập, hồ chứa *thủy lợi* được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, xây dựng và các quy định sau:

1. Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng trước khi nghiệm thu đưa công trình vào khai thác.
2. Đập, hồ chứa *thủy lợi* đang khai thác mà chưa có lưu trữ hồ sơ công trình thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ *hiện trạng* công trình.
3. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ *hoàn thành* công trình xây dựng và *hồ sơ liên quan đến quá trình quản lý, vận hành*.
4. Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* quan trọng đặc biệt, lớn và vừa, phải có hồ sơ lưu trữ bằng bản điện tử và cập nhật vào hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước. *Đối với đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ, khuyến khích áp dụng quy định này.*

Điều 10. kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy lợi

1. Trách nhiệm kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*

a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa *thủy lợi* lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày *nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng*;

b) Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* đang khai thác mà chưa kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Đập, hồ chứa *thủy lợi* đang khai thác khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng; thay đổi chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác thì tổ chức, cá nhân khai thác phải điều chỉnh bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thay đổi.

2. Tờ khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trách nhiệm tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*

a) Ủy ban nhân dân cấp *xã* tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* nhỏ trên địa bàn, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và *Môi trường*;

b) Sở Nông nghiệp và *Môi trường* tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đối với đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn, vừa trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

c) Sở Nông nghiệp và *Môi trường* tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về thông số kỹ thuật, thông tin quản lý đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và *Môi trường*.

Điều 11. Quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi*

1. Quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi* phải tuân thủ quy định của Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước, pháp luật có liên quan và phù hợp với quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Nội dung chính của quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi*

a) Cơ sở pháp lý để lập quy trình, nguyên tắc vận hành công trình, thông số kỹ thuật chủ yếu, nhiệm vụ công trình;

b) Quy định quy trình vận hành cửa van (nếu có); quy định cụ thể về vận hành hồ chứa *thủy lợi* trong mùa lũ, mùa kiệt trong trường hợp bình thường và trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm nguồn nước và trong tình huống khẩn cấp;

c) Quy định chế độ quan trắc, cung cấp thông tin về quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định;

d) Công tác cảnh báo khi vận hành xả lũ trong trường hợp bình thường và trong tình huống khẩn cấp, cảnh báo khi vận hành phát điện bao gồm: Quy định khoảng thời gian tối thiểu phải thông báo trước khi vận hành mở cửa xả nước đầu tiên; tín hiệu cảnh báo, thời điểm cảnh báo, vị trí cảnh báo; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát lệnh, truyền lệnh, thực hiện lệnh vận hành xả lũ; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát tin, truyền tin, nhận tin cảnh báo xả lũ;

đ) Quy định về vận hành công trình đảm bảo xả dòng chảy tối thiểu (nếu có);

e) Quy định trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quy trình vận hành;

g) Quy định về tổ chức thực hiện và trường hợp sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành.

h) Quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi* quan trọng đặc biệt, lớn và vừa theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trách nhiệm lập và điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi*

a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa *thủy lợi* quan trọng đặc biệt, lớn và vừa tổ chức lập quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi*, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi tích nước và bàn giao cho tổ chức, cá nhân khai

thác, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng, chống thiên tai; đối với hồ nhỏ, chủ đầu tư tổ chức lập, phê duyệt và bàn giao cho tổ chức, cá nhân khai thác, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng, chống thiên tai;

b) Đối với hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn và vừa đang khai thác mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức lập quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; đối với hồ chứa thủy lợi nhỏ đang khai thác mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác phải tổ chức lập và công bố công khai quy trình vận hành;

c) Định kỳ 5 năm tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn và vừa có trách nhiệm rà soát quy trình vận hành, báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy trình vận hành để tổng hợp, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành. Nếu quy trình vận hành không còn phù hợp thì điều chỉnh quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

d) Trường hợp chưa đến 5 năm nhưng quy trình vận hành hồ quan trọng đặc biệt, lớn và vừa không còn phù hợp, tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Đối với hồ chứa nhỏ, tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm rà soát quy trình vận hành theo định kỳ 5 năm hoặc khi quy trình vận hành không còn phù hợp để điều chỉnh (nếu cần thiết) và công bố công khai theo thẩm quyền;

e) Tổ chức, cá nhân tổ chức lập quy trình vận hành có trách nhiệm tổ chức lập đề cương, dự toán, lấy ý kiến cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy trình vận hành (đối với hồ quan trọng đặc biệt, lớn và vừa) trước khi phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền (đối với hồ nhỏ) để tổ chức thực hiện;

g) Tổ chức, cá nhân tổ chức lập quy trình vận hành có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực để thẩm tra kết quả tính toán quy trình vận hành (nếu cần hoặc theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy trình vận hành).

4. Khi hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các điều kiện, yêu cầu vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực, tổ chức khai thác đập, hồ chứa thủy lợi tổ chức lập quy trình vận hành hồ chứa theo thời gian thực trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật.

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi

1. Hồ sơ trình thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi

Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi* nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện *hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến* đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành;
- b) Dự thảo quy trình vận hành;
- c) Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;
- d) Bản đồ hiện trạng công trình *hoặc sơ đồ vị trí đối với công trình đang khai thác*.
- đ) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- e) *Báo cáo thẩm tra kết quả tính toán quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi (nếu có);*
- g) Các tài liệu liên quan khác kèm theo.

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định quy trình vận hành hồ chứa

a) *Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi* tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành đối với hồ chứa *thủy lợi* thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và *Môi trường*;

b) Sở Nông nghiệp và *Môi trường* tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành đối với hồ chứa *thủy lợi* thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi* thuộc *thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã*.

3. Trường hợp cần thiết, cơ quan phê duyệt quy trình vận hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy trình vận hành hồ chứa nước.

4. Cơ quan thẩm định lấy ý kiến về dự thảo quy trình vận hành theo quy định sau:

a) Đối với quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi* thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và *Môi trường*, cơ quan thẩm định lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia *(nếu cần)*; trình cấp thẩm quyền lấy ý kiến của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

b) Đối với dự thảo quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi* trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia *(nếu cần)*;

c) *Đối với dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã, lấy ý kiến tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia (nếu cần).*

5. Nội dung thẩm định

a) Kiểm tra cơ sở pháp lý, sự cần thiết phải lập quy trình vận hành hồ chứa nước và hồ sơ trình thẩm định;

b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng trong tính toán, kết quả tính toán các trường hợp vận hành;

c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý, khả thi của dự thảo quy trình vận hành.

6. Trình tự thẩm định

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt quy trình vận hành để hoàn chỉnh theo quy định;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

7. Thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt và hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ có liên quan đến 02 tỉnh trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi trên địa bàn được phân cấp quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi trên địa bàn, trừ hồ chứa được quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 8 Điều này.

8. Đối với hồ chứa thủy lợi nhỏ, tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác phải tổ chức lập quy trình vận hành và công bố công khai.

9. Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi

a) Khi nhu cầu dùng nước hoặc nguồn nước, quy mô, nhiệm vụ công trình thay đổi hoặc quy trình vận hành không còn phù hợp thì phải điều chỉnh quy trình vận hành;

b) Nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thực hiện theo quy định tại Điều 11; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này.

10. Quy trình vận hành được phê duyệt, công bố công khai theo quy định sau:

a) Công bố trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan phê duyệt, cơ quan thẩm định, chủ quản lý và tổ chức, cá nhân khai thác đối với hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn, vừa;

b) Công khai quy trình vận hành tại trụ sở tổ chức khai thác, công trình đầu mối và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đối với hồ chứa thủy lợi nhỏ.

Điều 13. Trách nhiệm thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi

1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định tại Điều 27, 28 và 45 Luật Thủy lợi và Điều 38 Luật Tài nguyên nước.

2. Hoạt động vận hành hồ chứa *thủy lợi* phải được tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* ghi chép vào nhật ký vận hành *dưới hình thức bản giấy, bản điện tử hoặc phần mềm chuyên dụng khác do chủ sở hữu đập quyết định, trong đó phải ghi chép thông số, chỉ tiêu quan trắc để giám sát gồm: Mực nước hồ; lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu (nếu có); lưu lượng khai thác cho các mục đích; lưu lượng xả qua tràn; chất lượng nước trong quá trình khai thác (nếu có).*

3. Định kỳ 5 năm, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy trình vận hành, gửi chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa *thủy lợi*.

4. Sở Nông nghiệp và *Môi trường* báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi* trên địa bàn, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và *Môi trường*.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa *thủy lợi*

a) Chủ quản lý đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* thuộc phạm vi quản lý;

c) Trưởng *Ban chỉ huy phòng thủ dân sự* cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ chứa và quyết định vận hành xả lũ khẩn cấp đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao;

d) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt của tổ chức khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* do bộ quản lý; chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* do bộ quản lý;

đ) Trưởng *Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia* có trách nhiệm chỉ đạo công tác phòng, chống lũ, ngập lụt vùng hạ du đập theo thẩm quyền và trách nhiệm

được giao; chỉ đạo, hỗ trợ các biện pháp ứng phó với tình huống khẩn cấp trong trường hợp vượt quá khả năng của bộ, ngành, địa phương.

Điều 14. Quan trắc công trình đập, hồ chứa *thủy lợi*

1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm lắp đặt thiết bị quan trắc công trình đập, hồ chứa *thủy lợi* theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi*

a) Quan trắc đập, hồ chứa *thủy lợi* và các công trình có liên quan theo quy định trong hồ sơ thiết kế và tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để theo dõi liên tục tình trạng an toàn, ổn định của công trình;

b) Phân tích, đánh giá, xử lý số liệu quan trắc; phát hiện dấu hiệu bất thường để kịp thời xử lý; lưu trữ tài liệu quan trắc theo quy định;

c) Báo cáo chủ quản lý, chủ sở hữu đập, hồ chứa *thủy lợi* kết quả quan trắc.

Điều 15. Quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng đập, hồ chứa *thủy lợi*

1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho đập, hồ chứa *thủy lợi*.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* phải thu thập thông tin, *tổ chức thực hiện dự báo, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan hoặc thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực cung cấp dịch vụ quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng nhằm hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo quy định của Luật Tài nguyên nước.*

3. Nội dung quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

a) Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* có cửa van điều tiết lũ và đập, hồ chứa *thủy lợi* lớn có tràn tự do, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả;

b) Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* vừa có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập, tính toán lưu lượng xả; khuyến khích áp dụng các quy định khác tại điểm a khoản này;

c) Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* nhỏ có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn.

4. Nội dung dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng

Đối với đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn và vừa có cửa van điều tiết lũ, dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, tổng lưu lượng xả; đối với đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ có cửa van điều tiết lũ khuyến khích áp dụng quy định này.

5. Chế độ quan trắc

a) Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* có cửa van điều tiết lũ: Quan trắc *1 lần* một ngày vào 07 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ; trường hợp vận hành chống lũ, tần suất quan trắc, tính toán tối thiểu 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế;

b) Đối với các đập, hồ chứa *thủy lợi* có tràn tự do: Quan trắc *1 lần* một ngày vào 07 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ khi mực nước hồ thấp hơn ngưỡng tràn; 01 giờ một lần khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn; 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế.

6. Chế độ dự báo

a) Trong mùa lũ, thực hiện dự báo 01 lần vào 09 giờ. Nội dung dự báo gồm dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới;

b) Trường hợp xuất hiện lũ, thực hiện dự báo lũ về hồ định kỳ 03 giờ 01 lần. Nội dung dự báo gồm dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới và thời gian xuất hiện đỉnh lũ về hồ.

7. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* phải cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng và cập nhật lên trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn và theo quy định sau:

a) Đập, hồ chứa *thủy lợi* có cửa van điều tiết lũ và đập, hồ chứa *thủy lợi* quan trọng đặc biệt, lớn có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ quản lý đập, hồ chứa *thủy lợi*; cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, khí tượng thủy văn, ban chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp nơi có đập, hồ chứa *thủy lợi*, vùng hạ du đập; Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo phạm vi quản lý của bộ; cơ quan, đơn vị có liên quan;

b) Đập, hồ chứa *thủy lợi* vừa và nhỏ có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ quản lý đập, hồ chứa *thủy lợi*, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, khí tượng thủy văn, cơ quan phòng chống thiên tai tại các cấp nơi có đập, hồ chứa *thủy lợi*, vùng hạ du đập.

8. Hình thức cung cấp thông tin, báo cáo

a) Việc cung cấp thông tin, báo cáo được thực hiện theo một trong các hình thức sau: Gửi trực tiếp, bằng fax, bằng mạng vi tính, qua điện thoại, bằng máy thông tin vô tuyến điện (ICOM), trên trang thông tin điện tử của tổ chức được cung cấp thông tin hoặc các hình thức khác;

b) Văn bản gốc phải được gửi đến chủ sở hữu, chủ quản lý để theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý.

9. Đập, hồ chứa *thủy lợi* đang khai thác mà chưa có thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng thì phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng.

Điều 16. Kiểm tra đập, hồ chứa *thủy lợi*

1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* phải kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa theo quy định sau:

a) Kiểm tra thường xuyên, quan sát trực quan tại hiện trường để nắm bắt kịp thời hiện trạng đập, hồ chứa;

b) Trước mùa mưa hằng năm, phải kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa; thực hiện các biện pháp chủ động phòng, chống, xử lý kịp thời các hư hỏng để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa;

c) Sau mùa mưa hằng năm, phải kiểm tra nhằm phát hiện các hư hỏng; theo dõi diễn biến các hư hỏng của đập, hồ chứa; rút kinh nghiệm công tác phòng, chống thiên tai; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, xuống cấp;

d) Ngay sau khi có mưa, lũ lớn trên lưu vực hoặc động đất mạnh tại khu vực công trình phải kiểm tra đánh giá hiện trạng an toàn đập, hồ chứa;

đ) Trường hợp phát hiện đập, hồ chứa có hư hỏng đột xuất, phải báo cáo ngay cho chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời phải thực hiện ngay biện pháp xử lý để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa.

2. Nội dung báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*

a) Đối với đập, hồ chứa quan trọng đặc biệt, lớn: Mức nước cao nhất trong hồ; dòng chảy lũ lớn nhất về hồ, thời gian xuất hiện, lưu lượng đỉnh lũ, tổng lượng lũ; kết quả quan trắc đập đã được phân tích, đánh giá và xử lý số liệu; kết quả kiểm tra công trình trước, sau mùa mưa; các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa, khắc phục;

b) Đối với đập, hồ chứa vừa, nhỏ: Mức nước cao nhất trong hồ; kết quả kiểm tra công trình trước, sau mùa mưa; các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa, khắc phục.

3. Thời gian gửi báo cáo định kỳ hiện trạng an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* trước ngày 15 tháng 5 hàng năm.

4. Trách nhiệm báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* theo định kỳ hằng năm:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và *Môi trường* để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa *thủy lợi* trên địa bàn và Bộ Nông nghiệp và *Môi trường*;

b) Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý của bộ.

5. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* phải báo cáo ngay Ủy ban nhân dân, *Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự* các cấp có đập, hồ chứa nước trên địa bàn và các cơ quan liên quan theo quy định khi xảy ra tình huống khẩn cấp.

Điều 17. Trách nhiệm kiểm tra và đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* trước mùa mưa hằng năm

1. Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*; quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* do Bộ quản lý *trực tiếp*.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*; quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* trên địa bàn tỉnh, *các đập, hồ chứa thủy lợi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý*.

3. Đối với hồ chứa *thủy lợi* mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên không sử dụng vốn nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diện tích chiếm đất của hồ chứa và công trình đầu mối lớn nhất tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước; tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng tổ chức kiểm tra, quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn.

4. Việc đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* được thực hiện theo hình thức Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*. Hội đồng có nhiệm vụ kiểm tra, nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tư vấn về mức độ an toàn của đập, hồ chứa *thủy lợi*, phương án tích nước hồ chứa và giải pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*.

5. Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* cấp bộ

a) Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* quyết định thành lập hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

b) Thành viên hội đồng gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về *thủy lợi* thuộc bộ, địa phương có liên quan, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* và tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho hội đồng.

6. Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi* thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, *định kỳ hàng năm thực hiện nhiệm vụ đánh giá an toàn đối với đập, hồ chứa thủy lợi có nguy cơ mất an toàn*;

b) Thành viên hội đồng bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về *thủy lợi*

cấp tỉnh, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã có đập, hồ chứa *thủy lợi* có liên quan trên địa bàn và tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho hội đồng.

Điều 18. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*

1. Kiểm định lần đầu thực hiện trong năm thứ ba kể từ ngày tích nước đến mực nước dâng bình thường hoặc trong năm thứ năm kể từ ngày tích nước.

2. Kiểm định định kỳ *10 năm* kể từ lần kiểm định gần nhất đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn và vừa.

3. Kiểm định đột xuất

a) Khi phát hiện có hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn cho đập, hồ chứa nước;

b) Khi cần có cơ sở để quyết định kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* hết tuổi thọ thiết kế hoặc làm cơ sở cho việc sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa *thủy lợi*;

c) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Thẩm quyền quyết định kiểm định đột xuất

a) Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa *thủy lợi* do Bộ quản lý *trực tiếp*;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa *thủy lợi* trên địa bàn tỉnh, các đập, hồ chứa được Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* phân cấp quản lý, trừ đập, hồ chứa quy định tại điểm a khoản này;

c) Đối với hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên không sử dụng vốn nhà nước, chủ sở hữu quyết định kiểm định đột xuất.

5. Nội dung chính kiểm định an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*

a) Đối với đập, hồ chứa quan trọng đặc biệt và lớn: Kiểm tra, phân tích tài liệu quan trắc đập, hồ chứa nước; khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, tài liệu khí tượng thủy văn và thay đổi về lưu vực đã được cập nhật; đánh giá chất lượng và an toàn của đập, hồ chứa nước;

b) Đối với đập, hồ chứa vừa, nhỏ: Khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ chứa nước; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, tài liệu khí tượng thủy văn và các thay đổi về lưu vực đã được cập nhật; đánh giá chất lượng và an toàn của đập, hồ chứa nước.

6. Trách nhiệm kiểm định an toàn đập, hồ chứa *thủy lợi*

a) Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm *tổ chức lập đề cương, dự toán kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi và trình chủ quản lý, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi phê duyệt*; thực hiện kiểm định theo đề cương được phê duyệt;

b) Chủ quản lý đập, hồ chứa thủy lợi thẩm định đề cương, dự toán, kết quả kiểm định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa *thủy lợi* phê duyệt; gửi kết quả kiểm định đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn và Bộ Nông nghiệp và *Môi trường*.

c) *Đề cương, dự toán, báo cáo kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.*

Điều 19. Thẩm định, phê duyệt đề cương, dự toán kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi sử dụng vốn nhà nước

1. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt

Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề cương, *dự toán*, kết quả kiểm định an toàn đập hồ chứa thủy lợi nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện *hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến* đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt;

b) Đề cương, *dự toán* kiểm định (trường hợp trình phê duyệt đề cương, dự toán), báo cáo kết quả kiểm định (trường hợp trình phê duyệt kết quả kiểm định);

c) Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt

a) *Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi* tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa *thủy lợi* phê duyệt đề cương, *dự toán*, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi *do các đơn vị Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý trực tiếp*;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa *thủy lợi* phê duyệt đề cương, *dự toán*, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn, *các hồ chứa thủy lợi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý*, trừ đập, hồ chứa nước quy định tại điểm a khoản này.

3. Nội dung thẩm định

a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ;

b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng;

c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ.

4. Trình tự, thủ tục thẩm định

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề cương, *dự toán, kết quả* kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ *đề cương, dự toán*, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản;

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ *kết quả kiểm định, kiểm tra thực tế* hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

Điều 20. Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa *thủy lợi* và lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập

1. Đập, hồ chứa *thủy lợi* phải được bảo trì, sửa chữa, nâng cấp theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan; *từng bước* hiện đại hóa *hướng tới vận hành hồ chứa theo thời gian thực*.

2. Đập, hồ chứa *thủy lợi* phải được sửa chữa, nâng cấp để bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du trước mùa mưa hằng năm trong các trường hợp sau:

a) Bị hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn;

b) Thiếu khả năng xả lũ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành;

c) Có nguy cơ xảy ra hiện tượng sạt lở bờ hồ, lòng hồ chứa nước bị bồi lấp.

3. Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* có cửa van điều tiết lũ đang khai thác mà chưa có hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập thì *tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi* phải *tổ chức lắp đặt bổ sung*.

4. Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* lớn có tràn tự do đang khai thác mà chưa có thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập thì *tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi* phải *tổ chức lắp đặt bổ sung*.

5. Khuyến khích lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* vừa, nhỏ có tràn tự do.

6. Đối với đập, hồ chứa *thủy lợi* đang khai thác chưa có quy trình bảo trì cho từng hạng mục công trình thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm tổ chức lập, phê duyệt quy trình bảo trì sau khi có ý kiến bằng văn bản của chủ quản lý đập, hồ chứa *thủy lợi*.

Điều 21. Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa *thủy lợi*

1. Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa *thủy lợi* thực hiện theo quy định tại Luật Thủy lợi.

2. Trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa *thủy lợi*, các hoạt động phải đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố và *phải tuân thủ quy định của pháp luật về thủy lợi, pháp luật có liên quan*.

Điều 22. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa *thủy lợi* phải có giấy phép

1. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa *thủy lợi* phải có phép thực hiện theo quy định tại Luật Thủy lợi.

2. Việc thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa *thủy lợi* thực hiện theo quy định tại *ng nghị định hướng dẫn Luật Thủy lợi và quy định pháp luật có liên quan*.

Điều 23. Bảo vệ đập, hồ chứa *thủy lợi*

1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi* có trách nhiệm lập phương án bảo vệ đập, hồ chứa *thủy lợi*.

2. Phương án bảo vệ đập, hồ chứa *thủy lợi* bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình; chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước (*nếu có*);

b) Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước;

c) Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất;

d) Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại;

đ) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ đập, hồ chứa nước; trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ;

e) Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình;

g) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của đập, hồ chứa nước;

h) Bảo vệ, xử lý khi đập, hồ chứa nước xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố;

i) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;

k) Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi*, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

l) *Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.*

3. *Nội dung phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt thực hiện theo khoản 2 Điều này và các nội dung sau:*

a) *Bố trí lực lượng chuyên trách bảo vệ công trình; tổ chức canh gác bảo vệ tại các vị trí đập, tràn xả lũ và các hạng mục công trình thuộc cụm đầu mối hồ chứa;*

b) *Trang bị phương tiện tuần tra; trang thiết bị công cụ hỗ trợ công tác bảo vệ cho lực lượng tham gia công tác bảo vệ công trình được đăng ký sử dụng và sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ;*

c) *Phương án xử lý một số tình huống sự cố công trình, tình huống có tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thủy lợi, bảo vệ an ninh trật tự tại công trình.*

4. *Thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi*

a) *Hồ sơ trình thẩm định*

Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này. Hồ sơ bao gồm:

- *Tờ trình đề nghị phê duyệt;*
- *Dự thảo phương án bảo vệ;*
- *Ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có);*
- *Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).*

b) *Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định*

- *Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;*

- *Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã.*

c) *Nội dung thẩm định*

- *Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ;*

- Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng;
- Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ và dự thảo phương án.

d) Trình tự, thủ tục thẩm định

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

5. Đập, hồ chứa thủy lợi phải được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ chưa được cấm, phải có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình.

6. Trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi

a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước. Kinh phí cấm mốc được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình;

b) Đối với đập, hồ chứa thủy lợi đang khai thác mà chưa được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ hoặc phạm vi bảo vệ không còn phù hợp thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ. Kinh phí cấm mốc được lấy từ nguồn tài chính trong quản lý, khai thác và nguồn hợp pháp khác.

7. Thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi

a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn được phân cấp quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý trên địa bàn 01 tỉnh, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ có liên quan đến 02 tỉnh trở lên được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý, phê duyệt phương án bảo vệ các đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn, trừ đập, hồ chứa được quy định tại điểm a khoản này;

c) Đối với hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên không sử dụng vốn nhà nước, hồ chứa quan trọng đặc biệt đồng thời là hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý, hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh

trở lên do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý trực tiếp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diện tích chiếm đất của hồ chứa và công trình đầu mối lớn nhất phê duyệt phương án bảo vệ sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cùng cấp có liên quan.

8. Việc tổ chức thực hiện phương án bảo vệ đập, hồ chứa *thuỷ lợi* là công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thực hiện theo quy định của Nghị định này và pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

9. *Định kỳ 5 năm tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thuỷ lợi có trách nhiệm rà soát phương án bảo vệ, báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan có thẩm quyền thẩm định để tổng hợp, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Nếu phương án bảo vệ không còn phù hợp thì điều chỉnh, bổ sung để trình, phê duyệt theo quy định tại khoản 4, khoản 7 Điều này.*

Điều 24. Cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thuỷ điện

1. Các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới

- a) Đập của hồ chứa thủy điện có dung tích từ 500.000 m³ trở lên;
- b) Đập có chiều cao từ 15 m trở lên.

2. Xây dựng phương án cấm mốc chỉ giới

Chủ đầu tư xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập.

3. Nội dung phương án cấm mốc chỉ giới

a) *Xác định vùng phụ cận bảo vệ đập theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;*

- b) *Xác định vị trí cấm mốc;*
- c) *Quy cách mốc;*
- d) *Quản lý mốc.*

4. *Thẩm định phương án cấm mốc chỉ giới*

a) *Chủ đầu tư xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án. Hồ sơ gồm văn bản đề nghị phê duyệt và phương án cấm mốc chỉ giới. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;*

b) *Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án có trách nhiệm tổ chức thẩm định; trong thời*

hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân xã nơi có đập thủy điện, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết tiến hành tổ chức kiểm tra thực địa;

c) Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, *cơ quan thẩm định* trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt;

d) Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, *cơ quan thẩm định* có trách nhiệm ban hành văn bản yêu cầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện điều chỉnh, bổ sung phương án cấm mốc chỉ giới;

đ) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập thủy điện trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan thẩm định;

e) Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

5. Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới

a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với đập trên địa bàn 01 xã;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án đối với đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên trên địa bàn tỉnh; trường hợp đập thuộc địa bàn từ 02 tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án trên địa bàn từng tỉnh.

6. Căn cứ phương án cấm mốc chỉ giới đã được phê duyệt, chủ đầu tư xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập để tổ chức cấm mốc chỉ giới trên thực địa; bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc cấm mốc.

Điều 25. Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi

1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi.

2. Nội dung chính của phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi

a) Kịch bản vận hành hồ chứa trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập;

b) Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập theo quy định tại Điều 27 Nghị định này; tại các khu vực chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công bố bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức khảo sát, tính

toán để xác định phạm vi vùng hạ du đập bị ảnh hưởng và mức độ ngập lụt vùng hạ du đập khi hồ chứa xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập phục vụ việc xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;

c) Các tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; dự kiến và kế hoạch ứng phó ở công trình đầu mối;

d) Thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng theo các kịch bản;

đ) Quy định về chế độ, phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng;

e) Kế hoạch ứng phó phù hợp với từng tình huống lũ, ngập lụt ở vùng hạ du đập;

g) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;

h) Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

i) Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy lợi theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hàng năm hoặc khi bản đồ ngập lụt được điều chỉnh, bổ sung, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức rà soát phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi. Trường hợp sau rà soát không có thay đổi, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cho phép được tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt. Trường hợp, sau rà soát có thay đổi cần phải lập phương án điều chỉnh, bổ sung, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi điều chỉnh, bổ sung phương án để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 26. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi

1. Hồ sơ thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt;

b) Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;

c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;

d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có);

đ) Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

2. Nội dung thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

- a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ trình phê duyệt thẩm định;
- b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng lập phương án;
- c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ và dự thảo phương án.

3. Trình tự thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy lợi *thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân xã*;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy lợi *thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*.

5. Thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên *trên địa bàn tỉnh; trường hợp đập, hồ chứa thủy lợi thuộc địa bàn từ 02 tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền ra lệnh vận hành hồ chứa có trách nhiệm chủ trì phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan*.

Điều 27. Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập

1. Bản đồ ngập lụt là bản đồ thể hiện phạm vi và mức độ ngập của vùng hạ du đập khi hồ xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập.

2. Căn cứ xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập

a) Đối với hồ chứa nước quan trọng đặc biệt và lớn, bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập được xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành;

b) Đối với hồ chứa nước vừa và nhỏ, bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập được xây dựng *theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành* hoặc trên cơ sở điều tra thực địa.

3. Trách nhiệm xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập.

a) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của một đập, chủ sở hữu đập *tổ chức* xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập;

b) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập và vùng hạ du đó thuộc địa bàn một tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm *tổ chức* xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện* có liên quan xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;

c) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập và vùng hạ du đó thuộc địa bàn 02 tỉnh trở lên, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm *tổ chức* xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập và chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa *thủy lợi, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện* có liên quan xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;

d) Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền huy động việc đóng góp kinh phí của các chủ sở hữu đập, hồ chứa nước theo tỷ lệ phần trăm dung tích hồ chứa cho việc xây dựng bản đồ ngập lụt.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ sở hữu giao cơ quan đơn vị trực thuộc *tổ chức* xây dựng *đề cương, dự toán, bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực để thẩm tra kết quả tính toán lập bản đồ (nếu cần), giao cơ quan trực thuộc thẩm định hoặc thành lập hội đồng thẩm định để phê duyệt. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt, đề cương, dự toán (trường hợp trình phê duyệt đề cương, dự toán), báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật, bản đồ ngập lụt (trường hợp trình phê duyệt kết quả xây dựng bản đồ ngập lụt), các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).*

5. Định kỳ 05 năm hoặc nội dung không còn phù hợp, cơ quan đơn vị được giao xây dựng có trách nhiệm rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung bản đồ ngập lụt. Việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung bản đồ ngập lụt phải được phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 28. Cứu hộ đập, hồ chứa nước

1. Trường hợp xảy ra sự cố có *nguy cơ* gây mất an toàn đập, hồ chứa nước, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi và chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện phải triển khai cứu hộ khẩn cấp, xử lý khắc phục sự cố, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp, Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để ứng cứu, hỗ trợ và kịp thời triển khai kế hoạch ứng phó.

2. Ủy ban nhân dân, *Ban chỉ huy phòng thủ dân sự* các cấp có trách nhiệm:

a) Tổ chức việc cứu hộ đập, hồ chứa nước trên địa bàn, tham gia cứu hộ đập, hồ chứa nước cho địa phương khác theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định theo thẩm quyền biện pháp xử lý khẩn cấp, khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai trong trường hợp xảy ra lũ, ngập lụt do sự cố đập gây thiệt hại cho vùng hạ du đập trên địa bàn. Trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền phải báo cáo kịp thời với *Ban chỉ huy phòng thủ dân sự* cấp trên hoặc *Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia* hỗ trợ, xử lý.

3. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các biện pháp huy động lực lượng, vật tư, phương tiện cứu hộ đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý.

4. Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia quyết định hoặc báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định huy động nguồn lực và biện pháp cứu hộ đập, hồ chứa nước, ứng phó đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; chỉ đạo, tổ chức ứng phó sự cố vỡ đập trong trường hợp vượt quá khả năng của địa phương.

Điều 29. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi

1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi. Cơ sở dữ liệu của mỗi đập, hồ chứa theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi phải được tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu của chủ quản lý, chủ sở hữu.

3. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi để quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác thông tin trên phạm vi toàn quốc được Nhà nước bảo đảm kinh phí vận hành.

4. Các thành phần cơ bản của hệ thống:

a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng internet, mạng máy tính, thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm), thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn, thiết bị ngoại vi và thiết bị phụ trợ;

b) Cơ sở dữ liệu vận hành công trình bao gồm các trường thông tin chính: Thông số kỹ thuật chính của công trình; mực nước hồ, mực nước hạ lưu, dung tích hồ; lưu lượng đến, lưu lượng ra khỏi hồ (xả tràn, xả phát điện, xả dòng chảy tối thiểu,...);

c) Phần mềm của hệ thống cơ sở dữ liệu.

5. *Trách nhiệm xây dựng, quản lý, duy trì, vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi*

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn; cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu; tổ chức điều tra, thu thập, tổng hợp và cập nhật dữ liệu thông tin đập, hồ chứa thủy lợi; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức liên quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu để cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng; quản lý sử dụng và cung cấp dữ liệu theo cấp độ chia sẻ dữ liệu.

Điều 30. Kinh phí thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa nước

1. *Kinh phí thực hiện các nội dung quản lý an toàn đập, hồ chứa nước từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, và các nguồn huy động hợp pháp khác.*

2. Kinh phí thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi được thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, cụ thể như sau:

a) Đối với các nội dung chi quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của trung ương được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, *nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi* và các nguồn huy động hợp pháp khác;

b) Đối với các nội dung chi quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của địa phương được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương, *nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi* và các nguồn huy động hợp pháp khác. Đối với các địa phương khó khăn về ngân sách, Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo quy định của *Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công*;

c) Bộ Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch vốn đầu tư, dự toán kinh phí sự nghiệp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi do Bộ quản lý được hỗ trợ từ ngân sách trung ương với nội dung chi theo quy định tại Nghị định này, tổng hợp gửi Bộ Tài chính theo quy định của *Luật ngân sách nhà nước và Luật đầu tư công*;

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch vốn đầu tư, dự toán kinh phí sự nghiệp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách trung ương với nội dung chi theo quy định tại Nghị định này, tổng hợp gửi Sở Tài chính theo quy định của *Luật ngân sách nhà nước và Luật đầu tư công*.

3. Đối với đập, hồ chứa thủy điện và các đập, hồ chứa thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì chủ sở hữu có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 31. Trách nhiệm của các bộ và cơ quan ngang bộ

1. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và *Môi trường*:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi;

b) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi;

c) Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi *đối với các hồ chứa do Bộ quản lý*; chỉ đạo, hướng dẫn địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi;

d) Tổ chức thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi; *tổ chức quan trắc, giám sát về lũ, ngập lụt trên lưu vực, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* quản lý và đập, hồ chứa thủy lợi Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* phân cấp cho Ủy ban nhân dân các tỉnh quản lý*;

đ) Tổ chức nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tiên tiến về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; củng cố đơn vị chuyên trách về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người tham gia hoạt động về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi;

e) Tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn đập, hồ chứa thủy lợi;

g) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi;

h) Tổng hợp kế hoạch dự toán kinh phí bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi thuộc phạm vi quản lý vào dự toán thu chi ngân sách hàng năm của Bộ Nông nghiệp và *Môi trường* gửi Bộ Tài chính;

i) Chủ trì tổng hợp, đề xuất hỗ trợ kinh phí ngân sách trung ương cho các địa phương bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

k) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn Bộ phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy quy định pháp luật.

2. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện bao gồm:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

- b) Điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thủy điện;
- c) Tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn đập, hồ chứa thủy điện;
- d) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;
- đ) Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác về an toàn đối với đập, hồ chứa thủy điện.

3. Bộ Tài chính tổng hợp đề xuất của các đơn vị và trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương làm cơ sở để các đơn vị thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của trung ương; kinh phí cứu hộ và xử lý khắc phục sự cố đập, hồ chứa thủy lợi; kinh phí thực hiện các quy định khác của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định tại Luật ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công thương thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước.

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- 1. Hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn.
- 2. Chịu trách nhiệm về an toàn của đập, hồ chứa nước trên địa bàn.
- 3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn.
- 4. Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền các cấp trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước do địa phương quản lý.
- 5. Tổ chức thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi; tổ chức quan trắc, giám sát về lũ, ngập lụt trên lưu vực, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn.*
- 6. Bố trí kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách địa phương để chi cho nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa nước do địa phương quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.
- 7. Cử cố đơn vị chuyên trách về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người tham gia hoạt động về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn.
- 8. Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý.

Điều 33: Quy định chuyển tiếp

1. Đối với quy trình vận hành hồ chứa nước

Quy trình vận hành hồ chứa nước được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện đến khi phê duyệt lại.

2. Đối với kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi

Dự thảo đề cương, dự toán và kết quả kiểm định định kỳ an toàn đập, hồ chứa thủy lợi đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày.....

2. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính Phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTN (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY LỢI**
(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày....tháng....năm.....

TỜ KHAI**Đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy lợi**

- 1. Tên đập, hồ chứa nước (*):**
- 2. Địa điểm xây dựng (*):** Xã....., huyện....., tỉnh.....
- 3. Nhiệm vụ chính (*):** Cấp nước tưới ☐ Phát điện ☐ Cắt, giảm lũ ☐
Cấp nước sinh hoạt ☐ Cấp nước cho công nghiệp ☐
- 4. Thời gian xây dựng:** Năm bắt đầu.....; Năm kết thúc
- 5. Kinh phí xây dựng:**
- 6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng:**
- 7. Tên chủ sở hữu đập**
Địa chỉ (*):
Điện thoại (*):Fax:
Email:
Website:
- 8. Tổ chức, cá nhân khai thác đập (có liên quan đến công tác quản lý đập):** Địa chỉ (*):
Điện thoại (*):Fax:
Email:
- 9. Phân loại đập, hồ chứa nước:**
- 9. Hồ chứa**
 - 9.1. Cấp công trình:
 - 9.2. Vị trí (xã, huyện, tỉnh):
 - 9.3. Diện tích lưu vực (Km²):
 - 9.4. Dung tích ứng với MNDBT (10⁶m³):
 - 9.5. Dung tích hữu ích (10⁶m³):
 - 9.6. Dung tích chết (10⁶m³):
 - 9.7. Dung tích phòng lũ (10⁶m³):
 - 9.8. Mức nước lớn nhất thiết kế (m):
 - 9.9. Mức nước lớn nhất kiểm tra (m):
 - 9.10. Mức nước dâng bình thường (m):
 - 9.11. Mức nước chết (m):
 - 9.12. Mức nước lớn nhất đã xảy ra (m):ngày tháng năm xảy ra.....
- 10. Đập chính**
 - 10.1. Chiều dài đỉnh đập (m) (*):
 - 10.2. Chiều cao lớn nhất (m) (*):
 - 10.3. Cao trình đỉnh đập - phần đập đất, đập bê tông, đá đổ,... (m) (*):.....

- 10.4. Cao trình đỉnh *đập* - *phần* tường chắn sóng (m) (*):.....
- 10.5. Loại *đập* (*đập đất, đập bê tông trọng lực, đập đá đổ...*) (*):
- 10.6. Tình trạng chất lượng: Bình thường ☐ Hư hỏng ☐
- Mô tả hư hỏng (nếu có):
- 11. Các *đập phụ*: Kê khai tương tự *đập chính*.**
- 12. Các công lấy nước**
- 12.1. Tên công (*):
- 12.2. Vị trí (dưới *đập* nào?) (*):
- 12.3. Lưu lượng thiết kế (Q_{tk} m³/s):
- 12.4. Vật liệu:
- 12.5. Chế độ chảy: Không áp ☐ Có áp ☐
- 12.6. Chiều dài *thân* công (*từ cuối cửa vào đến đầu cửa ra*) (m) (*):
- 12.7. Kích thước công (m) (*):
- 12.8. Cao trình đáy công (m) (*):
- 12.9. Tình trạng chất lượng: Tốt ☐ Hư hỏng ☐
- Mô tả hư hỏng (nếu có):
- 13. Tràn xả lũ**
- 13.1. Tên tràn (*):
- 13.2. Vị trí (*):
- 13.3. Lưu lượng xả thiết kế ($Q_{x\grave{a}tk}$ m³/s):.....
- 13.4. Cao trình ngưỡng tràn (m) (*):
- 13.5. Chiều rộng tràn (m) (*):
- Số khoang:Bề rộng khoang tràn:
- 13.6. Kết cấu (*):
- 13.7. Hình thức *ngưỡng* (*thực dụng, đỉnh rộng,...*) (*):
- 13.8. Hình thức tiêu năng (*dốc nước, bể tiêu năng, tường tiêu năng,...*) (*):.....
- 13.9. Loại tràn (*tự do, cửa van*) (*):.....
- 13.10. Hình thức đóng mở cửa van (*thủ công, tời điện, xilanh thủy lực,...*) (*):
- 13.10. Tình trạng chất lượng: Tốt ☐ Hư hỏng ☐
- Mô tả hư hỏng (nếu có):
- 14. Công trình tháo nước khác**
- 14.1. Tên công trình:
- 14.2. Lưu lượng thiết kế (Q_{tk} m³/s):
- 14.3. Kết cấu:
- 14.4. Chế độ chảy: Không áp ☐ Có áp ☐
- 14.5. Kích thước (m):
- 14.6. Cao trình ngưỡng (m):
- 14.7. Tình trạng chất lượng: Bình thường ☐ Hư hỏng ☐
- Mô tả hư hỏng (nếu có):
- 15. Đường quản lý (*):** Có ☐ không có ☐
- 15.1. Chiều dài:(m)
- 15.2. Mặt đường: Đất ☐ Cấp phối ☐ Nhựa, bê tông ☐ ...
- 15.3. Chất lượng đường: Tốt ☐ Xấu ☐ Bình thường ☐

16. Các loại quan trắc (*)**16.1. Quan trắc công trình**Quan trắc thẩm ☐ Quan trắc chuyển vị ☐ Ứng suất ☐**16.2. Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng**a) Đo mưa ☐ Tự động ☐ Thủ công ☐ không có ☐

- Số lượng trạm đo tự động (tự có):

- Mô tả hiện trạng:

- Số lượng trạm đo thủ công (tự có):

- Mô tả hiện trạng:

- Số lượng trạm đo mưa tự động (thuê, mua số liệu):

b) Đo mực nước: ☐ Tự động ☐ Thủ công ☐ (cột thủy trí) không có ☐

- Số lượng trạm đo tự động:

- Mô tả hiện trạng:

- Số lượng trạm đo thủ công:

- Mô tả hiện trạng:

c) Phương thức thu thập, cung cấp thông tin mực nước (trường hợp không có đo tự động, thủ công bằng cột thủy trí):

17. Hệ thống giám sát vận hành (*)Có ☐ Không ☐

Mô tả hiện trạng:

18. Cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước (*)Có ☐ Không ☐**19. Quy trình vận hành (*)** Có ☐ Không ☐

19.1. Năm phê duyệt:

19.2. Năm điều chỉnh:

20. Phương án bảo vệ (*) Có ☐ Không ☐

20.1. Năm phê duyệt:

20.2. Năm điều chỉnh:

21. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa (*)Có ☐ Không ☐**22. Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp (*)**Có ☐ Không ☐

Năm phê duyệt gần nhất:

23. Phương án ứng phó thiên tai (*)Có ☐ Không ☐

Năm phê duyệt gần nhất:

24. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước

24.1. Số lần kiểm định:

24.2. Năm thực hiện:

25. Lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa nước (*)Có ☐ Không có ☐

Loại hồ sơ lưu trữ, hình thức lưu trữ:

26. Thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập (*)Có ☐ Không có ☐

Loại thiết bị:

Tình trạng hoạt động của thiết bị:

27. Quy trình vận hành cửa van, quy trình bảo trì công trình (*)

27.1. Quy trình vận hành cửa van

Có ☐

Không có ☐

27.2. Quy trình bảo trì công trình

Có ☐

Không có ☐

28. Quá trình quản lý khai thác (*)

Tóm tắt các sự cố lớn, nội dung sửa chữa nâng cấp đã được thực hiện, năm thực hiện.

29. Đánh giá chung về an toàn đập (*)

29.1. Đánh giá chung

29.2. Đề nghị

Ngày.....tháng.....năm.....

(Tổ chức, cá nhân khai thác đập
ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Các thông tin (*): Bắt buộc phải điền vào Tờ khai;
- Các thông tin khác: Ghi rõ lý do không có để điền vào Tờ khai;
- Tờ khai được rà soát, cập nhật khi có thay đổi thông tin liên quan;
- Mục 8. Tổ chức, cá nhân khai thác đập: Với công trình xây dựng mới, khi chưa xác định được đơn vị khai thác thì để trống mục này.

Phụ lục II**MẪU CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY LỢI***(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày....tháng....năm.....

CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY LỢI**I. THÔNG TIN CHUNG****1. Chủ sở hữu**

- a) Tên:
- b) Địa chỉ:
- c) Điện thoại:
- d) Email:
- đ) Website:

Ghi chú: Trường hợp thay đổi chủ sở hữu thì các chủ sở hữu trước chỉ cập nhật tên, ngày tháng năm chuyển giao quyền sở hữu giữa các chủ sở hữu.

2. Tổ chức khai thác, sử dụng

- a) Tên:
- b) Địa chỉ:
- c) Điện thoại:
- d) Email:
- đ) Website:

II. CƠ SỞ DỮ LIỆU HỒ CHỨA**1. Tên hồ:****2. Nhiệm vụ theo thứ tự trong quy trình:****3. Vị trí xây dựng (xã, huyện, tỉnh):****4. Phân loại ⁽²⁾:****5. Cấp hồ chứa ⁽³⁾:****6. Diện tích lưu vực (km²):****7. Dung tích (10⁶m³) ứng với:**

- | | |
|--------------------------------|--------------------------------|
| a) Mức nước chết: | b) MNDBT: |
| c) Mức nước lớn nhất thiết kế: | d) Mức nước lớn nhất kiểm tra: |

8. Mức nước (m):

- | | |
|-----------------------|-----------------|
| a) Chết: | b) DBT: |
| c) Lớn nhất thiết kế: | d) Lũ kiểm tra: |

đ) Lớn nhất đã xảy ra:, ngày tháng năm xảy ra:

III. CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẬP

1. Đập chính

- a) Tên đập:
- b) Địa điểm xây dựng (xã, huyện, tỉnh):
- c) Loại đập ⁽¹⁾:
- d) Phân loại đập:
- đ) Cấp của đập:
- e) Chiều dài đỉnh đập (m):
- g) Chiều rộng chân đập (m):
- h) Chiều rộng đỉnh đập (m):
- i) Chiều cao đập lớn nhất (m):
- k) Cao trình đỉnh đập (m):
- l) Cao trình đỉnh tường chắn sóng (m):

2. Đập phụ/các đập phụ: Thông tin tương tự đập chính.

3. Công trình xả lũ

- a) Hình thức xả (bằng tràn tự do, cửa xả mặt, cửa xả đáy)
- b) Lưu lượng xả theo thiết kế (m^3/s)
- c) Chiều dài khoang xả tràn (đối với tràn tự do, m); số cửa xả, kích thước cửa xả (m) và hình thức đóng mở cửa xả (đối với cửa xả mặt, xả đáy)
- d) Cao trình tràn tự do, cửa xả mặt, cửa xả đáy (m)
- đ) Hình thức tiêu năng

Ghi chú: Nếu hồ chứa có nhiều hình thức xả lũ thì cập nhật riêng cho từng hình thức.

4. Cổng xả cát:

- a) Kích thước (m)
- b) Lưu lượng xả (m^3/s)
- c) Cao trình (m)
- d) Hình thức đóng, mở

5. Xả môi trường:

- a) Kích thước
- b) Lưu lượng xả (m^3/s)
- c) Cao trình (m)

IV. VÙNG HẠ DU ĐẬP

Xã, huyện, tỉnh:

V. CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA

1. Quy trình vận hành hồ chứa

- a) Quyết định phê duyệt lần đầu (số, ngày, cơ quan phê duyệt):
- b) Các quyết định phê duyệt điều chỉnh, nếu có (số, ngày, cơ quan phê duyệt):
- c) Quyết định phê duyệt đang còn hiệu lực (số, ngày, cơ quan phê duyệt):

2. Quy trình bảo trì đập

- a) Quyết định phê duyệt lần đầu (số, ngày):
- b) Quyết định phê duyệt đang còn hiệu lực (số, ngày):

3. Phương án ứng phó với thiên tai

- a) Quyết định phê duyệt lần đầu (số, ngày):
- b) Quyết định phê duyệt đang còn hiệu lực (số, ngày):

4. Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

- a) Quyết định phê duyệt lần đầu (số, ngày, cơ quan phê duyệt):
- b) Quyết định phê duyệt đang còn hiệu lực (số, ngày, cơ quan phê duyệt):

5. Phương án bảo vệ đập

- a) Quyết định phê duyệt lần đầu (số, ngày, cơ quan phê duyệt):
- b) Quyết định phê duyệt đang còn hiệu lực (số, ngày, cơ quan phê duyệt):

6. Bảo trì đập

- a) Quyết định phê duyệt lần đầu (số, ngày):
- b) Quyết định phê duyệt đang còn hiệu lực (số, ngày):

7. Cẩm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập, hành lang bảo vệ hồ chứa

- a) Ngày, tháng, năm hoàn thiện việc cắm mốc chỉ giới:
 - Xác định phạm vi bảo vệ đập:
 - Xác định hành lang bảo vệ hồ chứa:
- b) Ngày, tháng, năm bàn giao mốc cho UBND cấp xã:
 - Mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập:
 - Mốc chỉ giới xác định hành lang bảo vệ hồ chứa:

8. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa

- a) Ngày, tháng, năm kết thúc kiểm định lần đầu:
- b) Số lần kiểm định:
- c) Ngày, tháng, năm kết thúc kiểm định gần nhất và kết luận của tổ chức kiểm định:

9. Dữ liệu về ẩn họa công trình

- a) Loại hình ẩn họa đã phát hiện:
- b) Mô tả ẩn họa đã phát hiện, thời gian phát hiện ẩn họa và diễn tiến quá trình phát triển của ẩn họa theo thời gian:
- c) Kết quả kiểm tra chuyên sâu đánh giá ẩn họa:
- d) Phương án xử lý ẩn họa đã triển khai:

10. Các hoạt động phải có giấy phép trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa

- a) Tên hoạt động:
- b) Số và cơ quan cấp giấy phép lần đầu:
- c) Phạm vi hoạt động:

- d) Ngày được cấp giấy phép lần đầu:
- đ) Số lần cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép:
- e) Số và cơ quan cấp giấy phép đang còn hiệu lực:

11. Sự cố đập, hồ chứa nước

- a) Diễn biến mưa lũ:
- b) Quá trình xảy ra và sơ bộ nguyên nhân sự cố:
- c) Thiệt hại do sự cố:
- d) Khắc phục sự cố:

12. Cơ sở dữ liệu về vận hành công trình

Bao gồm các thông tin chính: Mức nước hồ, mức nước hạ lưu, dung tích hồ; lưu lượng đến, lưu lượng ra khỏi hồ (xả tràn, xả phát điện, xả dòng chảy tối thiểu,...) được xây dựng, quản lý trên trang thông tin điện tử của tổ chức quản lý, khai thác đập, hồ chứa nước.

Ghi chú:

1. ⁽¹⁾ Ghi loại đập theo vật liệu và công nghệ xây dựng (ví dụ: Bê tông trọng lực, đất đồng chất).
2. ⁽²⁾ Thông tin những lần sửa chữa nâng cấp làm thay đổi quy mô, kết cấu và thông số kỹ thuật công trình.
3. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi quyết định xây dựng mã QR-code để phục vụ truy xuất một phần hoặc toàn bộ cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi do mình khai thác.

Phụ lục III**PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ THIÊN TAI CHO CÔNG TRÌNH, VÙNG HẠ
DU ĐẬP TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG***(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)***TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm

PHƯƠNG ÁN**ỨNG PHÓ THIÊN TAI CHO CÔNG TRÌNH, VÙNG HẠ DU ĐẬP
TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG HỒ CHỨA.....****I. CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN**

- Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14 ngày 19/6/2017;
- Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
- Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 07/05/2007 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày .../.../20... của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
- Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều.
- Căn cứ các văn bản.....

II. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TRÌNH**1. Thông tin về người quyết định đầu tư, chủ đầu tư xây dựng công trình, chủ sở hữu, đơn vị khai thác**

- Người quyết định đầu tư:
- Chủ đầu tư:
- + Địa chỉ:
- + Số điện thoại:
- + Email:
- Chủ sở hữu đập (nếu có):
- Đơn vị khai thác đập, hồ chứa thủy lợi (nếu có):
- + Địa chỉ:
- + Số điện thoại:
- + Email:
- Đơn vị quản lý, khai thác đập, hồ chứa thủy điện (nếu có):

2. Khái quát về công trình

- Tên công trình:
- Cấp công trình theo thiết kế được duyệt:

- Phân loại đập:
- Năm xây dựng:
- Vị trí xây dựng:
- Nhiệm vụ công trình:

3. Khái quát về địa hình và khí tượng thủy văn

- Về địa hình: Tính hình chung về địa hình khu vực công trình
- Hệ thống giao thông: Khái quát các tuyến đường để ứng cứu khi có sự cố
- Khí tượng, thủy văn năm: Tổng hợp chung tình hình khí tượng thủy văn năm trước

+ Nhận định xu thế thời tiết mùa mưa bão, lũ năm.....:

Theo Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Quốc gia nhận định của năm..... như sau:

* Bão và áp thấp nhiệt đới:

* Lượng mưa:

4. Khái quát vùng hạ du đập:

- a) Khái quát về địa hình:
- b) Về dân cư:

5. Tình hình công trình

- Các hạng mục công trình: Mô tả các hạng mục công trình
- Hiện trạng công trình: Đánh giá cụ thể hiện trạng công trình qua công tác kiểm tra công trình trước mùa mưa, lũ.

III. TÓM TẮT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH XÂY DỰNG, CÁC MỐC TIẾN ĐỘ CHẶN DÒNG, VƯỢT LŨ, TIẾN ĐỘ THI CÔNG CỦA ĐẬP, HỒ CHỨA NƯỚC VÀ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Tóm tắt đặc điểm, tình hình xây dựng

2. Tiến độ thi công của đập, hồ chứa nước; các mốc tiến độ chặn dòng, vượt lũ

3. Các hạng mục công trình có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai

IV. PHƯƠNG ÁN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI XỬ LÝ SỰ CỐ CÔNG TRÌNH

1. Dự kiến các tình huống sự cố có thể xảy ra trong mùa lũ:

- 1.1. Nước lũ có thể làm xói lở, sạt trượt mái đá
- 1.2. Tràn xả lũ bị kẹt, không vận hành đóng mở được.
- 1.3. Xuất hiện mạch đùn, mạch sủi ở hạ lưu
- 1.4.....

2. Phương án xử lý sự cố: Xây dựng phương án xử lý cho từng tình huống có thể xảy ra (phương án xử lý kỹ thuật, vật tư, nhân lực...)

- 2.1. Nước lũ có thể làm xói lở, sạt trượt mái đá
- 2.2. Tràn xả lũ bị kẹt, không vận hành đóng mở được.
- 2.3. Xuất hiện mạch đùn, mạch sủi ở hạ lưu
- 2.4.....

3. Nhân lực, vật tư, phương tiện xử lý sự cố và dự phòng

- Vật tư, phương tiện hiện có và huy động theo kế hoạch
- Vật tư, phương tiện theo phương án tại các đơn vị được phân công dự phòng

4. Tổ chức điều hành

- Quy định về thời gian, địa điểm trực
- Thông tin liên lạc
- Trang bị cá nhân phục vụ công tác
- Tổ chức hậu cần, phương tiện.....

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các phụ lục kèm theo:

- Danh sách các thành viên;
- Ban Chỉ huy;
- Vật tư, phương tiện theo các tình huống sự cố;
- Dự trù kinh phí.

Phụ lục IV

QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA THỦY LỢI QUAN TRỌNG ĐẶC BIỆT, LỚN VÀ VỪA

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ RA QUYẾT ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng....năm 20.. ..

QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA THUỶ LỢI (LOẠI QUAN TRỌNG ĐẶC BIỆT, LỚN VÀ VỪA)

(Ban hành kèm theo Quyết định số.... /QĐ-ngày / /20...
của.....)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Cơ sở pháp lý để xây dựng quy trình.
2. Nguyên tắc vận hành chung của hồ chứa nước.
3. Quy định về nhiệm vụ công trình sắp xếp theo thứ tự ưu tiên: Bảo đảm an toàn công trình, cắt giảm lũ hạ du, cấp nước, phát điện và đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu về hạ du (nếu có)...
4. Các thông số chính của hồ chứa nước.
5. Quy trình vận hành cửa van (nếu có).
6. Quy định về mùa lũ, mùa kiệt trong quy trình.
7. Quy định về tích nước những năm đầu (nếu có).
8. Các quy định khác tùy theo điều kiện cụ thể của hồ chứa nước.

Chương II

VÂN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC TRONG MÙA LŨ

1. Nguyên tắc vận hành trong mùa lũ.
2. Quy định mực nước hồ cao nhất được giữ trong các tháng mùa lũ.
3. Các quy định cụ thể vận hành điều tiết chống lũ.
4. Quy định về chế độ vận hành điều tiết lũ (áp dụng đối với tràn xả lũ có cửa van).
5. Quy định tính toán, dự báo mực nước hồ và dòng lũ đến hồ: Căn cứ số liệu quan trắc mưa trên lưu vực, dòng chảy lũ đến hồ, dự báo tổng lượng lũ đến hồ, đơn vị quản lý khai thác hồ chứa tính toán lưu lượng xả lũ, dự báo khả năng

gia tăng mực nước hồ chứa để đề xuất phương án, lập báo cáo trình cơ quan có thẩm quyền cho phép vận hành tràn xả lũ.

6. Vận hành tích nước hồ chứa.

7. Quy định tích nước cuối mùa lũ (áp dụng đối với tràn xả lũ có cửa van).

Chương III

VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC TRONG MÙA KIẾT

1. Quy định mực nước thấp nhất được giữ trong các tháng mùa kiệt.

2. Yêu cầu về lưu lượng tối thiểu phải vận hành xả xuống hạ du cho từng thời kỳ để đảm bảo sinh thái (nếu có).

3. Chế độ cấp nước bình thường cho các đối tượng dùng nước.

4. Quy định vận hành xả lũ trong mùa kiệt.

5. Các trường hợp cụ thể phải sử dụng dung tích chết của hồ chứa nước.

Chương IV

VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

1. Chế độ vận hành xả lũ đảm bảo an toàn công trình.

2. Chế độ vận hành hồ chứa nước khi có sự cố ở các công trình đập chính, đập phụ, tràn chính, tràn phụ, cống lấy nước.

3. Quy định phương thức, chế độ thông báo, báo cáo, hiệu lệnh thông báo xả lũ trong trường hợp khẩn cấp.

4. Biện pháp hỗ trợ, bảo đảm an toàn đập và an toàn hạ du trong trường hợp khẩn cấp.

Chương V

QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN

1. Quy định chế độ quan trắc, tính toán, dự báo, cung cấp thông tin.

2. Quy định khác liên quan (nếu có).

Chương VI

THÔNG BÁO, CẢNH BÁO TRƯỚC KHI VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH (XẢ LŨ, PHÁT ĐIỆN,...)

1. Nêu thời gian thông báo, địa chỉ gửi thông báo, nội dung thông báo, hình thức thông báo...

2. Nêu quy định thời gian, phương thức vị trí phát tín hiệu cảnh báo...

Chương VII

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

1. Trách nhiệm của đơn vị khai thác đập, hồ chứa nước.

2. Trách nhiệm của Chủ sở hữu đập, hồ chứa nước.

3. Trách nhiệm của Trưởng ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp.

4. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/các tỉnh có liên quan.
5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh/các tỉnh có liên quan.
6. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan.
7. Trách nhiệm của chính quyền xã và tương đương.
8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.
9. Trách nhiệm thực hiện và trường hợp sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành hồ chứa.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời điểm thi hành Quy trình vận hành hồ chứa nước.
2. Nguyên tắc sửa đổi, bổ sung Quy trình vận hành hồ chứa nước.
3. Hình thức xử lý vi phạm Quy trình vận hành hồ chứa nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

1. Tổng quan về hồ chứa nước.
2. Thống kê hồ chứa và công trình đầu mối chủ yếu.
3. Những căn cứ để lập quy trình vận hành hồ chứa nước.
4. Các biểu đồ, bảng tra (Biểu đồ điều phối nước hồ chứa nước; Bảng kết quả tính toán lượng nước đến; Kết quả tính toán nhu cầu nước; Bảng tổng hợp nước dùng tại đầu mối; Tổng hợp kết quả tính toán điều tiết lũ; Biểu đồ, bảng tra quan hệ mực nước, dung tích và diện tích mặt hồ chứa nước; Quy trình đóng mở cửa tràn, mực nước và lưu lượng tương ứng từng cửa....)
5. Bản đồ lưu vực và lân cận hồ chứa nước.
6. Phụ lục khác (nếu có).

Phụ lục V**ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ, DỰ TOÁN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN
ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY LỢI**

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

**ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ, DỰ TOÁN
KIỂM ĐỊNH AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA NƯỚC [TÊN HỒ CHỨA]****PHẦN I. THUYẾT MINH ĐỀ CƯƠNG****I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên nhiệm vụ: Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước [tên hồ chứa]
2. Chủ đầu tư (đơn vị quản lý): ...
3. Địa điểm thực hiện: ...
4. Căn cứ pháp lý:
 - Luật ...
 - Nghị định ...
 - Thông tư ...
 - Các văn bản pháp lý liên quan khác

II. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI

1. Mục tiêu:
 - Kiểm tra, đánh giá an toàn của đập, hồ chứa và các công trình liên quan
 - Phát hiện sớm các hư hỏng, mất an toàn công trình
 - Đề xuất biện pháp duy tu, sửa chữa và phương án quản lý vận hành
 - Các mục tiêu khác (nếu có)
2. Phạm vi kiểm định:
 - Đập chính và đập phụ
 - Tràn xả lũ
 - Cống lấy nước
 - Các công trình phụ trợ khác
 - Chi tiết phạm vi theo đặc thù công trình (nếu có)

III. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÔNG TRÌNH

1. Vị trí địa lý: ...
2. Lịch sử công trình: [Năm xây dựng, đưa vào sử dụng, cải tạo, nâng cấp]
3. Cấp công trình: ...
4. Nhiệm vụ của công trình: [Cấp nước, phòng chống lũ, phát điện...]
5. Thông số kỹ thuật chính:
 - Dung tích hồ chứa: [m³]
 - Cao trình đỉnh đập: [m]
 - Chiều cao đập lớn nhất: [m]
 - Chiều dài đập: [m]
 - Cao trình đỉnh tràn: [m]
 - Các thông số kỹ thuật khác (nếu có)

IV. NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

1. Thu thập tài liệu cơ bản:

- Tài liệu thiết kế, hoàn công
- Tài liệu quản lý, vận hành, bảo trì
- Tài liệu kiểm định trước đây (nếu có)
- Số liệu quan trắc
- Các tài liệu khác (nếu có)

2. Khảo sát hiện trường:

2.1. Khảo sát địa hình:

- Khối lượng đo đạc: [Số lượng mặt cắt]
- Khảo sát bồi lắng lòng hồ: [Khối lượng]

2.2. Khảo sát địa chất:

- Số lượng hố khoan: ...
- Thí nghiệm tại hiện trường: [Loại và số lượng]
- Thí nghiệm trong phòng: [Loại và số lượng]

2.3. Khảo sát ẩn họa, khuyết tật:

Khảo sát bằng thiết bị chuyên dụng: [Loại thiết bị, phạm vi]

2.4. Kiểm tra chất lượng bê tông:

- Vị trí kiểm tra: ...
- Phương pháp kiểm tra: ...
- Số lượng mẫu: ...

3. Đánh giá kiểm định an toàn đập:

- Đánh giá chất lượng đập qua công tác kiểm tra
- Đánh giá an toàn chống lũ
- Đánh giá an toàn thấm
- Đánh giá an toàn kết cấu
- Đánh giá công tác quản lý vận hành
- Đánh giá tổng hợp an toàn đập

V. TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN ÁP DỤNG

1. Quy chuẩn: ...

2. Tiêu chuẩn: ...

3. Các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu kiểm định (nếu có)

VI. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: [Mô tả phương pháp]
2. Phương pháp khảo sát thực địa: [Mô tả phương pháp]
3. Phương pháp tính toán và đánh giá: [Mô tả phương pháp]
4. Thiết bị sử dụng: [Liệt kê thiết bị]

VII. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ

1. Thời gian thực hiện: [Số tháng/năm]

2. Tiến độ thực hiện:

- Thu thập tài liệu: ...
- Khảo sát hiện trường: ...
- Thí nghiệm, phân tích: ...
- Tính toán kiểm định: ...
- Lập báo cáo: ...

VIII. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

- Báo cáo kết quả kiểm định

- Báo cáo khảo sát địa hình
- Báo cáo khảo sát địa chất
- Báo cáo tính toán thủy văn
- Báo cáo kết quả kiểm tra bê tông
- Các thành phần khác (nếu có)

PHẦN II. DỰ TOÁN KINH PHÍ

I. CƠ SỞ LẬP DỰ TOÁN

- Các cơ sở pháp lý về định mức, đơn giá
- Phương pháp lập dự toán

II. BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Chi phí khảo sát				
2	...				
3	...				
...	...				
	Tổng cộng				

III. BẢNG CHI TIẾT DỰ TOÁN

[Chi tiết dự toán theo từng công việc]

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

[Kết luận và kiến nghị về việc thực hiện kiểm định an toàn đập]/.

Phụ lục VI
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN
ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY LỢI

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

[TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN] **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
[TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO] Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC- [ký hiệu đơn vị] ..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA NƯỚC
Tên công trình: [tên hồ chứa]

Kính gửi: [Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt]

Thực hiện Nghị định số [số/năm/NĐ-CP] ngày [ngày/tháng/năm] của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, [tên đơn vị báo cáo] báo cáo kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước [tên hồ chứa nước] như sau:

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

- Tên nhiệm vụ: Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước [tên hồ chứa]
- Chủ đầu tư: ...
- Đơn vị quản lý, vận hành: ...
- Đơn vị tư vấn kiểm định: ...
- Đơn vị tư vấn thẩm tra (nếu có): ...
- Thời gian thực hiện: ...

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật ... số [số/năm] ngày [ngày/tháng/năm];
- Nghị định số [số/năm/NĐ-CP] ngày [ngày/tháng/năm] của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
- Thông tư ... (nếu có)

2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:

- Quy chuẩn: ...
- Tiêu chuẩn: ...

3. Các văn bản pháp lý khác (nếu có)

III. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH

1. Vị trí và nhiệm vụ công trình: [Mô tả chi tiết]
2. Cấp công trình: ...
3. Thông số kỹ thuật chính: ...
4. Hiện trạng công trình: ...

PHẦN II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

I. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thu thập tài liệu: [Mô tả tài liệu thu thập được]

2. Khảo sát hiện trường:

- Khảo sát địa hình: [Tóm tắt kết quả]
- Khảo sát địa chất: [Tóm tắt kết quả]
- Khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật: [Tóm tắt kết quả]
- Kiểm tra chất lượng bê tông: [Tóm tắt kết quả]
- Đánh giá bồi lắng lòng hồ: [Tóm tắt kết quả]

II. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

1. Đánh giá chất lượng đập qua công tác kiểm tra

- Đập chính: [Mô tả tình trạng, đánh giá mức độ an toàn]
- Đập phụ (nếu có): [Mô tả tình trạng, đánh giá mức độ an toàn]
- Tràn xả lũ: [Mô tả tình trạng, đánh giá mức độ an toàn]
- Cống lấy nước: [Mô tả tình trạng, đánh giá mức độ an toàn]
- Các công trình khác: [Mô tả tình trạng, đánh giá mức độ an toàn]
- Tổng hợp đánh giá: [Xếp loại A, B, C, D theo TCVN hiện hành]

2. Đánh giá an toàn chống lũ

- Tính toán thủy văn, thủy lực: [Kết quả tính toán]
- Đánh giá khả năng chống lũ: [Đánh giá theo 3 trường hợp: lũ $\geq P_{0,1}\%$, lũ kiểm tra $P_{0,02}\%$, lũ PMF]

- Tổng hợp đánh giá: [Xếp loại A, B, C, D theo TCVN hiện hành]

3. Đánh giá an toàn thấm

- Đập chính: [Kết quả tính toán, đánh giá]
- Đập phụ: [Kết quả tính toán, đánh giá]
- Tràn xả lũ: [Kết quả tính toán, đánh giá]
- Cống lấy nước: [Kết quả tính toán, đánh giá]
- Tổng hợp đánh giá: [Xếp loại A, B, C, D theo TCVN hiện hành]

4. Đánh giá an toàn kết cấu

- Đập chính: [Kết quả tính toán ổn định, đánh giá]
- Đập phụ: [Kết quả tính toán ổn định, đánh giá]
- Tràn xả lũ: [Kết quả tính toán ổn định, đánh giá]
- Cống lấy nước: [Kết quả tính toán ổn định, đánh giá]
- Đánh giá ảnh hưởng bồi lắng: [Kết quả đánh giá]
- Tổng hợp đánh giá: [Xếp loại A, B, C, D theo TCVN]

5. Đánh giá công tác quản lý, vận hành

- Công tác vận hành: [Đánh giá]
- Công tác kiểm tra: [Đánh giá]
- Công tác duy tu bảo dưỡng: [Đánh giá]
- Công tác quan trắc: [Đánh giá]
- Công tác đảm bảo an toàn đập và vùng hạ du: [Đánh giá]
- Tổng hợp đánh giá: [Xếp loại Đạt/Không đạt theo TCVN hiện hành]

III. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP AN TOÀN ĐẬP

1. Bảng tổng hợp kết quả kiểm định

STT	Nội dung	Đánh giá theo TCVN (1)	Ghi chú
A	Kết quả đánh giá chất lượng đập qua công tác kiểm tra		
1	Đập chính	A/B/C/D	
2	Đập phụ	A/B/C/D	
3	Tràn xả lũ	A/B/C/D	
4	Cống lấy nước	A/B/C/D	
B	Kết quả kiểm định an toàn chống lũ		
1	Khi có lũ với $P \geq 0,1\%$	A/B/C/D	
2	Khi có lũ kiểm tra $P = 0,02\%$	A/B/C/D	
3	Khi có lũ PMF	A/B/C/D	
C	Kết quả kiểm định an toàn thấm		
1	Đập chính	A/B/C/D	
2	Đập phụ	A/B/C/D	
3	Tràn xả lũ	A/B/C/D	
4	Cống lấy nước	A/B/C/D	
D	Kết quả kiểm định an toàn kết cấu		
1	Đập chính	A/B/C/D	
2	Đập phụ	A/B/C/D	
3	Tràn xả lũ	A/B/C/D	
4	Cống lấy nước	A/B/C/D	
E	Kết quả đánh giá công tác quản lý vận hành	Đạt/Không đạt	

2. Kết luận an toàn đập

Dựa trên các kết quả kiểm định nêu trên và áp dụng TCVN hiện hành, đập, hồ chứa nước [tên hồ chứa] được đánh giá có mức độ an toàn:

☐ Loại 1: Đập an toàn, được phép vận hành bình thường.

☐ Loại 2: Đập cơ bản an toàn, được phép vận hành nhưng phải tăng cường giám sát.

☐ Loại 3: Đập không đảm bảo an toàn, cần có biện pháp sửa chữa, gia cố.

☐ Loại 4: Đập mất an toàn nghiêm trọng, cần sửa chữa, gia cố ngay hoặc hạ thấp mực nước hồ.

PHẦN III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

I. KIẾN NGHỊ

1. Về đảm bảo an toàn công trình: [Kiến nghị cụ thể]

2. Về công tác quản lý vận hành: [Kiến nghị cụ thể]

II. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Giải pháp công trình:

¹ Ví dụ như TCVN 11699:2016

- Đập chính: [Đề xuất giải pháp]
- Đập phụ: [Đề xuất giải pháp]
- Trần xả lũ: [Đề xuất giải pháp]
- Cống lấy nước: [Đề xuất giải pháp]
- 2. Giải pháp phi công trình: [Đề xuất giải pháp]

III. ƯU TIÊN THỰC HIỆN

[Đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện các giải pháp]

PHỤ LỤC

- Phụ lục tính toán
- Bản vẽ mặt cắt, bình đồ
- Ảnh chụp hiện trạng
- Biên bản kiểm tra hiện trường
- Các phụ lục khác (nếu có)

Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY LỢI

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

1. Khái quát về chủ sở hữu công trình và tổ chức quản lý, khai thác công trình

- Về chủ sở hữu công trình
- + Tên chủ đầu tư và cơ quan cấp trên (nếu có)
- + Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website
- Về tổ chức quản lý, khai thác công trình
- + Tên tổ chức
- + Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website

2. Khái quát về công trình

- Tên công trình
- Cấp công trình theo thiết kế được duyệt; Cấp công trình theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành

- Phân loại công trình theo quy định

- Nhiệm vụ của công trình

- Địa điểm xây dựng (xã, tỉnh/thành phố)

- Thời điểm khởi công, thời điểm đưa công trình vào khai thác, sử dụng

3. Khái quát tình hình dân cư và an ninh trật tự nơi xây dựng đập, hồ chứa

4. Sơ đồ phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa và bố trí lực lượng bảo vệ

5. Nội dung bảo vệ đập, hồ chứa

- Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình; chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước (nếu có);

- Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa;

- Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất;

- Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại;

- Tổ chức lực lượng, trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ và phân công trách nhiệm bảo vệ đập, hồ chứa (đối với đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, bổ sung thêm nội dung: bố trí lực lượng chuyên trách bảo vệ công trình, tổ chức canh gác bảo vệ tại các vị trí đập, tràn xả lũ và các hạng mục công trình thuộc cụm đầu mối đối với đập, hồ chứa);

- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình;

- Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của đập, hồ chứa;

- Phương án bảo vệ, xử lý khi đập, hồ chứa xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố, tình huống có tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thủy lợi, an ninh trật tự tại công trình.

- Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;

- Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan./.

Tài liệu sử dụng để lập phương án

- Ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có);

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY LỢI

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

1. Khái quát chung

- Tên dự án/công trình thủy lợi
- Cấp công trình
- Loại công trình (đặc biệt, liên tỉnh, 01 tỉnh..)
- Quy mô, nhiệm vụ công trình, các thông số kỹ thuật chính
- Địa điểm xây dựng (xã, tỉnh/thành phố)
- Thời điểm xây dựng, thời điểm đưa công trình vào khai thác.

2. Tổ chức khai thác đập, hồ chứa

- Tên tổ chức
- Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

3. Khái quát về địa hình, khí tượng thủy văn, thảm thực vật, thiên tai khu vực hồ chứa và trên lưu vực

- Về địa hình
- Đặc điểm địa hình, khí tượng thủy văn (lượng mưa, mùa mưa, lưu lượng lũ lớn nhất...);
- Đặc điểm thảm phủ thực vật lòng hồ và lưu vực;
- Các loại hình thiên tai có thể xảy ra trong lưu vực hồ chứa.

4. Đặc điểm vùng hạ du đập, hồ chứa

- Về địa hình
- Về dân cư (số lượng, phân bố, khả năng tiếp cận tín hiệu cảnh báo)
- Những đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng

5. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du theo các tình huống xả lũ, vỡ đập tại Bản đồ ngập lụt vùng hạ du được phê duyệt, hoặc trên Sơ đồ mặt bằng đập, hồ chứa thủy lợi và vùng hạ du đập (trong trường hợp chưa có bản đồ ngập lụt hạ du được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

6. Các tình huống xả lũ khẩn cấp, tình huống vỡ đập dự kiến và kế hoạch, biện pháp ứng phó để bảo đảm an toàn cho công trình đầu mối và vùng hạ du đập.

7. Thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng theo các kịch bản.

8. Chế độ, phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến các cơ quan chức năng và người dân khu vực bị ảnh hưởng.

9. Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi; các cơ quan chức năng của địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

10. Phương án huy động vật tư, phương tiện, nhân lực khi xảy ra tình huống khẩn cấp

11. Danh bạ điện thoại và các hình thức liên lạc khác giữa Chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi, chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương; các cơ quan khác có liên quan đến vận hành an toàn đập, hồ chứa.

Các tài liệu sử dụng để lập phương án

- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Các tài liệu khác liên quan.

